

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng chờ thi: E503

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 19/07/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0069	Hoàng Thùy	Dung	19/10/2000			
2	TA0070	Bùi Anh	Dũng	2/7/2000			
3	TA0071	Đỗ Trọng	Dũng	22/11/1999			
4	TA0072	Đỗ Văn	Dũng	19/6/2000			
5	TA0073	Lê Tiến	Dũng	20/7/1999			
6	TA0074	Nguyễn Bá	Dũng	3/6/2000			
7	TA0075	Phan Văn	Dũng	5/12/1999			
8	TA0076	Nguyễn Thị	Được	4/5/1999			
9	TA0077	Bùi Nam	Dương	8/11/2000			
10	TA0078	Đặng Thuỳ	Dương	15/10/2000			
11	TA0079	Hoàng Đức	Dương	11/5/2000			
12	TA0080	Nguyễn Đình Đức	Dương	10/4/1999			
13	TA0081	Nguyễn Thuỳ	Dương	12/3/2000			
14	TA0082	Vũ Văn	Dương	3/7/2000			
15	TA0083	Đặng Văn	Duy	13/8/1999			
16	TA0084	Lâm Văn	Duy	4/11/1999			
17	TA0085	Phạm Huy	Duy	25/12/2000			
18	TA0086	Trần Đăng	Duy	22/9/2000			
19	TA0087	Trần Thế	Duy	1/9/2000			
20	TA0088	Cao Thị Hồng	Duyên	20/11/2000			
21	TA0089	Lê Thị	Duyên	13/9/1999			

22	TA0090	Cao Thị Hà	GIANG	10/9/1999			
23	TA0091	Đoàn Việt	Giang	6/5/2000			
24	TA0092	Nguyễn Đăng	Giang	31/8/2000			
25	TA0093	Nguyễn Hà	Giang	24/7/1999			
26	TA0094	Nguyễn Thị Hồng	Giang	10/9/2000			
27	TA0095	Phạm Hà	Giang	23/9/2000			
28	TA0096	Phạm Thu	Giang	11/11/2000			
29	TA0097	Phan Thị Hương	Giang	28/9/2000			
30	TA0098	Trần Thị Hương	Giang	20/12/2000			
31	TA0099	Vũ Trường	Giang	4/7/2000			
32	TA0100	Lê Viết	Giáp	27/6/2000			
33	TA0101	Đào Thị	Hà	8/9/1999			
34	TA0102	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/4/2000			
35	TA0103	Nguyễn Thị Thu	Hà	6/9/2000			
36	TA0104	Nguyễn Thu	Hà	17/10/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)